TỔNG HỢP THÔNG TIN GIAO DỊCH
TRADING SUMMARY

Ngày:
Date: **16/11/2026**

1. Chỉ số chứng khoán
(Indices)

Chỉ số Indices	Đóng cửa Closing value	Tăng/Giảm +/- Change	Thay đổi (%) % Change	GTGD (tỷ đồng) Trading value (bil.dongs)
VNINDEX	1,736.89	1.96	0.11	11,877.39
VN30	1,844.25	-0.66	-0.04	6,604.94
VNMIDCAP	1,841.64	-22.53	-1.21	4,301.44
VNSMALLCAP	1,204.89	-12.03	-0.99	778.35
VN100	1,765.89	-5.76	-0.33	10,906.38
VNALLSHARE	1,741.77	-5.99	-0.34	11,684.73
VNXALLSHARE	2,744.68	-9.03	-0.33	11,662.87
VNCOND	1,865.28	-7.77	-0.41	403.69
VNCONS	627.71	6.61	1.06	780.27
VNENE	721.74	-0.70	-0.10	261.59
VNFIN	2,065.27	-17.42	-0.84	5,758.05
VNHEAL	1,553.11	-2.16	-0.14	19.99
VNIND	820.62	-13.03	-1.56	1,605.06
VNIT	2,604.34	-29.85	-1.13	394.90
VNMAT	1,892.81	-4.46	-0.24	537.56
VNREAL	3,276.85	43.25	1.34	1,684.13
VNUTI	934.87	-4.67	-0.50	237.29
VNDIAMOND	2,088.70	-37.76	-1.78	2,184.68
VNFINLEAD	2,709.73	-32.84	-1.20	3,649.50
VNFINSELECT	2,780.22	-23.41	-0.83	5,757.74
VNMITECH	756.07	-9.47	-1.24	2,338.36
VN50 GROWTH	974.93	-2.46	-0.25	8,884.89
VNDIVIDEND	805.46	-10.17	-1.25	1,559.41
VNSHINE	755.51	-8.31	-1.09	1,987.71
VNPRIVGRO	996.82	996.82		6,888.38
VNSI	2,964.67	-24.59	-0.82	1,981.02
VNX50	3,087.55	-11.15	-0.36	8,785.00

2. Giao dịch toàn thị trường
(Trading total)

Nội dung Contents	KLGD (ck) Trading vol. (shares)	GTGD (tỷ đồng) Trading val. (bil. Dongs)
Khớp lệnh	453,636,542	8,587
Thỏa thuận	120,204,369	3,337
Tổng	573,840,911	11,923

Top 5 chứng khoán giao dịch trong ngày
(Top volatile stock up to date)

STT No.	Top 5 CP về KLGD Top trading vol.		Top 5 CP tăng giá Top gainer		Top 5 CP giảm giá Top loser	
	Mã CK Code	KLGD (cp) Trading vol. (shares)	Mã CK Code	%	Mã CK Code	%
1	LPB	56,316,926	NAV	6.79%	SFG	-6.97%
2	SHB	28,182,475	LM8	6.73%	L10	-6.96%
3	VIX	27,000,998	CCI	6.69%	DPG	-6.95%
4	SSI	18,269,393	AAM	6.62%	PIT	-6.94%
5	TPB	15,389,436	TTF	6.54%	YBM	-6.83%

Giao dịch của NĐTNN
(Foreigner trading)

Nội dung Contents	Mua Buying	%	Bán Selling	%	Mua-Bán Buying-Selling

KLGD (ck) **Trading vol. (shares)**	46,496,906	8.10%	52,651,570	9.18%	-6,154,664
GTGD (tỷ đồng) **Trading val. (bil. Dongs)**	1,417	11.88%	1,396	11.71%	21

Top 5 Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài
(Top foreigner trading)

STT	Top 5 CP về KLGD NĐTNN Top trading vol.		Top 5 CP về GTGD NĐTNN		Top 5 CP về KLGD NĐTNN mua ròng	
1	ACB	5,730,600	VIC	310,860,079	KDH	2,683,058
2	HPG	5,691,773	FPT	214,357,054	TPB	1,198,123
3	HDB	4,940,240	HPG	119,870,802	VND	1,063,800
4	FPT	4,293,409	ACB	116,801,672	LPB	889,419
5	KDH	3,668,658	DMX	114,194,020	MSN	870,760

3. Sự kiện doanh nghiệp

STT	Mã CK	Sự kiện
1	MCM	MCM giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức năm đợt 1 năm tài chính 2026 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%, ngày thanh toán: 18/12/2026.
2	SJD	SJD giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 16%, ngày thanh toán: 18/12/2026.
3	CACB2629	CACB2629 (chứng quyền ACB/VPBANKS/6M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: ACB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 20,000 đồng/cq.
4	CFPT2644	CFPT2644 (chứng quyền FPT/VPBANKS/8M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 12,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 60,000 đồng/cq.
5	CHDB2620	CHDB2620 (chứng quyền HDB/VPBANKS/8M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: HDB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1, với giá: 19,800 đồng/cq.
6	CHPG2653	CHPG2653 (chứng quyền HPG/VPBANKS/6M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 15,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 20,600 đồng/cq.
7	CLPB2616	CLPB2616 (chứng quyền LPB/VPBANKS/8M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: LPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1, với giá: 45,000 đồng/cq.
8	CMBB2625	CMBB2625 (chứng quyền MBB/VPBANKS/8M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: MBB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 15,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 18,000 đồng/cq.
9	CMSN2639	CMSN2639 (chứng quyền MSN/VPBANKS/8M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: MSN) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 69,000 đồng/cq.
10	CMWG2631	CMWG2631 (chứng quyền MWG/VPBANKS/8M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: MWG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 12,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 71,500 đồng/cq.
11	CSHB2630	CSHB2630 (chứng quyền SHB/VPBANKS/8M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: SHB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 11,000 đồng/cq.
12	CSTB2638	CSTB2638 (chứng quyền STB/VPBANKS/6M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: STB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 6:1, với giá: 71,000 đồng/cq.
13	CTCB2625	CTCB2625 (chứng quyền TCB/VPBANKS/8M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: TCB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 15,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3,3358:1, với giá: 21,683 đồng/cq.
14	CVIB2613	CVIB2613 (chứng quyền VIB/VPBANKS/8M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: VIB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 13,500 đồng/cq.
15	CVNM2633	CVNM2633 (chứng quyền VNM/VPBANKS/6M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: VNM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 15,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 9,5682:1, với giá: 52,625 đồng/cq.
16	CVRE2619	CVRE2619 (chứng quyền VRE/VPBANKS/6M/2601 ; Mã chứng khoán cơ sở: VRE) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 10,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 24,500 đồng/cq.
17	CACB2630	CACB2630 (chứng quyền ACB/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: ACB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 2,500,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 22,800 đồng/cq.

18	CFPT2645	CFPT2645 (chứng quyền FPT/BSC/C/12M/EU/Cash/2025-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 3,500,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 12:1, với giá: 60,000 đồng/cq.
19	CHPG2654	CHPG2654 (chứng quyền HPG/BSC/C/12M/EU/Cash/2025-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 4,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 22,500 đồng/cq.
20	CMBB2626	CMBB2626 (chứng quyền MBB/BSC/C/12M/EU/Cash/2025-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: MBB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 3,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 21,000 đồng/cq.
21	CMSN2640	CMSN2640 (chứng quyền MSN/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: MSN) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 3,500,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 79,000 đồng/cq.
22	CMWG2632	CMWG2632 (chứng quyền MWG/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: MWG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 3,500,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 81,000 đồng/cq.
23	CSTB2639	CSTB2639 (chứng quyền STB/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: STB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 3,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 7:1, với giá: 72,500 đồng/cq.
24	CTCB2626	CTCB2626 (chứng quyền TCB/BSC/C/12M/EU/Cash/2025-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: TCB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 3,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4,0030:1, với giá: 24,018 đồng/cq.
25	CVIB2614	CVIB2614 (chứng quyền VIB/BSC/C/12M/EU/Cash/2025-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: VIB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 3,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 14,700 đồng/cq.
26	CVNM2634	CVNM2634 (chứng quyền VNM/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: VNM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 2,500,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 5,7409:1, với giá: 59,323 đồng/cq.
27	CVPB2638	CVPB2638 (chứng quyền VPB/BSC/C/9M/EU/Cash/2025-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 16/11/2026 với số lượng 3,000,000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 25,000 đồng/cq.